TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Việt Hải

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Kim Anh, ông Lê Văn Khanh

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trương Hoài Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 665/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2021 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Tuyết T, sinh năm: **(có mặt);

Địa chỉ: số ** Đường số **, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: ông Bùi Xuân Q, sinh năm: **(có mặt);

Địa chỉ: số 106/32 Đường số **, khu phố *, phường BHH, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của bà Trần Thị Tuyết T và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T trình bày: bà và ông Bùi Xuân Q chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 118, cấp ngày 23/7/2007 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng bà thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và bất hòa trong cuộc sống mà không thể nào giải quyết được. Vợ chồng không thể nói chuyện với nhau, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay, nhưng không hàn gắn tình cảm được.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Tuyết T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Bùi Xuân Q.

- Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Trần Bảo Hân sinh ngày 19/5/2013, Bùi Trần Gia H sinh ngày 30/5/2015, bà T nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Xuân Q trình bày: ông và bà Trần Thị Tuyết T chung sống với nhau từ 2007, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 118, cấp ngày 23/7/2007 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, bà T có tình cảm với người khác. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi Xuân Q không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Tuyết T vì hai con nhỏ, bà T không có việc làm, không nuôi nổi bản thân thì không lo cho con cái được, cách nghĩ và tinh thần của bà T không ổn định. Trong trường hợp bà T giao 02 con chung cho ông nuôi thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Trần Bảo H sinh ngày 19/5/2013 và Bùi Trần Gia H sinh ngày 30/5/2015, ông Q yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Tuyết T và ông Bùi Xuân Q vẫn giữ nguyên yêu cầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; tuy nhiên chưa đảm bảo thời hạn xét xử. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tuyết T đối với ông Bùi Xuân Q. Giao con chung tên Bùi Trần Bảo Hân sinh ngày 19/5/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Bùi Trần Gia Hưng sinh ngày 30/5/2015 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung bà T, ông Q

khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác bà T, ông Q khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: bà Trần Thị Tuyết T và ông Bùi Xuân Q có đăng ký kết hôn, bà T có yêu cầu xin ly hôn với ông Q nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Bùi Xuân Q cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án*:

- Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông Q trong quá trình chung sống phải tạo dựng hạnh phúc, phải biết thương yêu, chăm sóc, tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, phải chung thủy và cùng nhau nuôi dạy con cái, cùng làm kinh tế gia đình để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, hai ông bà không thực hiện những điều cơ bản đó mà không tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn về cách sống, không có tiếng nói chung, không cùng làm kinh tế gia đình; đã ly thân từ tháng 01/2021 mà không có phương án hàn gắn. Mặc dù, Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng không có thiện chí hàn gắn. Do đó, mâu thuẫn giữa bà T và ông Q đã trầm trọng nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T, bà T được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Trần Bảo H, sinh ngày 19/5/2013; Bùi Trần Gia Hư, sinh ngày 30/5/2015. Bà T và ông Q đều có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Tuy nhiên, xét nguyện vọng của cháu Hân mong muốn được sống cùng với bà T và từ khi hai bên sống ly thân đến nay thì hai trẻ đang được bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay, bà T cũng có chỗ ở và nguồn thu nhập ổn định đủ điều kiện để lo cho 02 con chung. Như vậy, môi trường sống và tâm lý của 02 trẻ đang ổn định, không nên làm xáo trộn cuộc sống của 02 trẻ và tạo điều kiện để cho hai chị, em sống cùng nhau. Do đó, bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ H và trẻ H, không chấp nhận yêu cầu nuôi 02 con chung của ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: bà T và ông Q thống nhất hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà T và ông Q thống nhất không có.

- Đại diện của viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Bùi Trần Bảo H sinh ngày 19/5/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Bùi Trần Gia H sinh ngày 30/5/2015 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp với quy định pháp luật, các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí sơ thẩm: bà Trần Thị Tuyết T phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Tuyết T đối với ông Bùi Xuân Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 118, cấp ngày 23/7/2007 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị Tuyết T và ông Bùi Xuân Q không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Bùi Trần Bảo H, sinh ngày 19/5/2013 và Bùi Trần Gia H, sinh ngày 30/5/2015.

Giao 02 (hai) con chung tên Bùi Trần Bảo H, Bùi Trần Gia H cho bà Trần Thị Tuyết T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Tuyết T về việc không yêu cầu ông Bùi Xuân Q cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà T và ông Q thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà T và ông Q thống nhất không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thị Tuyết T phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu số 063772 ngày 21/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: bà Trần Thị Tuyết T và ông Bùi Xuân Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND cùng cấp;
-TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
-Chi cục THADS quận Bình Tân;
-Các đương sự;
-Nơi đăng ký kết hôn;
-Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hải

TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 201

Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang.

2. Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 172/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Hoàng Yến, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: ấp Mỹ Phó, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Tạm trú: 357 đường Tân Hòa Đông, khu phố 13, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh Hưng, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: ấp Bình Giang 2, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Tạm trú: 357 đường Tân Hòa Đông, khu phố 13, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định . . . /3 những vấn đề sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Hoàng Yến đối với ông Trần Thanh Hưng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2013, quyển số 01/2013, cấp ngày 26/11/2013 của Ủy ban nhân dân phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 (một) con chung tên Trần Dương Quỳnh Thư sinh ngày 21/7/2015. Giao trẻ Trần Dương Quỳnh Thư cho bà Dương Hoàng Yến được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Hoàng Yến về việc không yêu cầu ông Trần Thanh Hưng cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: bà Dương Hoàng Yến khai không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Dương Hoàng Yến phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Yến đã nộp theo biên lai thu số 0046336 ngày 20/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Yến đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử đã nghị án theo từng vấn đề: về pháp luật áp dụng, về yêu cầu của đương sự, về án phí và quyền kháng cáo. Mỗi vấn đề đều biểu quyết...../3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ....., ngày.....tháng.....năm 201.....

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2019,

Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang.

2. Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú.

Đã tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 172/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Hoàng Yến, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: ấp Mỹ Phó, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Tạm trú: 357 đường Tân Hòa Đông, khu phố 13, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh Hưng, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: ấp Bình Giang 2, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Tạm trú: 357 đường Tân Hòa Đông, khu phố 13, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không rõ lý do.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3 về các vấn đề sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hoãn phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 171/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc: "Ly hôn".

2.Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên toà dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ số 422/1 đường Hồ Học Lãm, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày .....

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Giang **Huỳnh Thị Cẩm Tú** **Lê Thị Tuyết**